

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**THÔNG TƯ số 10/2005/TT/BLĐTBXH
ngày 05/01/2005 hướng dẫn
thực hiện Nghị định số 210/2004/
NĐ-CP ngày 20/12/2004 của
Chính phủ quy định về chế
độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối
với người có công với cách
mạng.**

Thi hành Nghị định số 210/2004/
NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2004 của
Chính phủ quy định về chế độ trợ cấp,
phụ cấp ưu đãi đối với người có công với
cách mạng, sau khi thống nhất ý kiến
với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương
binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế
độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có
công với cách mạng như sau:

**I. MỨC CHUẨN, ĐỐI TƯỢNG VÀ
CÁC MỨC TRỢ CẤP, PHỤ CẤP
HÀNG THÁNG**

1. Mức chuẩn để xác định các mức trợ
cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng đối với
người có công với cách mạng theo quy
định tại Điều 1 của Nghị định số 210/2004/
NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2004 của
Chính phủ là 292.000 đồng/tháng.

2. Bảng mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi
hàng tháng đối với người có công với
cách mạng theo quy định tại khoản 3

Điều 1 của Nghị định được thực hiện như
sau:

2.1. Người hoạt động cách mạng trước
năm 1945 (cán bộ “Lão thành Cách
mạng”):

- Người thuộc diện thoát ly: trợ cấp
250.000 đồng/người/tháng.

Ngoài mức trợ cấp trên còn được hưởng
phụ cấp hàng tháng tính theo số năm
hoạt động trước cách mạng, cứ mỗi năm
được phụ cấp 60.000 đồng;

- Người thuộc diện không thoát ly: trợ
cấp 540.000 đồng/người /tháng.

- Thân nhân hưởng trợ cấp tuất của
người hoạt động cách mạng trước năm
1945 từ trần:

+ Trợ cấp tuất: 292.000 đồng/người/
tháng;

+ Trợ cấp tuất đối với người cô đơn,
không nơi nương tựa: 495.000 đồng/
người/tháng.

2.2. Người hoạt động cách mạng trước
tháng Tám năm 1945 (cán bộ “tiền khởi
nghĩa”): phụ cấp 292.000đồng/người/
tháng.

2.3. Thân nhân của liệt sỹ:

- Trợ cấp tuất đối với thân nhân của
một liệt sỹ: 292.000 đồng/người/tháng;

- Trợ cấp tuất đối với thân nhân của 2
liệt sỹ trở lên: 495.000 đồng/người/tháng;

- Trợ cấp tuất đối với thân nhân liệt sỹ
cô đơn, không nơi nương tựa: 495.000
đồng/người/tháng.

2.4. Bà mẹ Việt Nam Anh hùng: trợ cấp 710.000 đồng/người/tháng.

2.5. Anh hùng Lực lượng Vũ trang, Anh hùng Lao động thời kỳ kháng chiến: trợ cấp 250.000 đồng/người/tháng.

2.6. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (gọi chung là thương binh):

a) Trợ cấp và phụ cấp:

- Trợ cấp hàng tháng được tính theo tỷ lệ mất sức lao động (MSLĐ) do thương tật, mỗi phần trăm MSLĐ tương ứng với 9.400 đồng (theo Biểu số 2 kèm Nghị định).

- Phụ cấp hàng tháng:

+ Mức 150.000 đồng/người/tháng đối với thương binh MSLĐ từ 81% trở lên.

+ Mức 292.000 đồng/người/tháng đối với thương binh MSLĐ từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng.

b) Trợ cấp vì cần người phục vụ (đối với thương binh MSLĐ từ 81% trở lên điều dưỡng ở gia đình):

- Mức trợ cấp 292.000 đồng/tháng đối với người phục vụ thương binh MSLĐ từ 81% trở lên:

- Mức trợ cấp 380.000 đồng/tháng đối với người phục vụ thương binh MSLĐ từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng.

c) Thân nhân hưởng tuất của thương binh có tỷ lệ MSLĐ từ 61% trở lên từ trần:

- Trợ cấp tuất: 175.000 đồng/người/tháng;

- Trợ cấp tuất đối với người cô đơn, không nơi nương tựa: 390.000 đồng/người/tháng.

2.7. Quân nhân bị tai nạn lao động (thương binh loại B được xác nhận trước ngày 31/12/1993):

a) Trợ cấp và phụ cấp:

- Trợ cấp hàng tháng được tính theo tỷ lệ mất sức lao động (MSLĐ) do thương tật, mỗi phần trăm MSLĐ tương ứng với 7.520 đồng (theo Biểu số 3 kèm Nghị định).

- Phụ cấp hàng tháng:

+ Mức 150.000 đồng/tháng đối với người MSLĐ từ 81% trở lên.

+ Mức 292.000 đồng/tháng đối với người MSLĐ từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng.

b) Trợ cấp vì cần người phục vụ (đối với quân nhân bị tai nạn lao động MSLĐ từ 81% trở lên điều dưỡng ở gia đình):

- Mức trợ cấp 292.000 đồng/tháng đối với người phục vụ đối tượng MSLĐ từ 81% trở lên:

- Mức trợ cấp 380.000 đồng/tháng đối với người phục vụ đối tượng MSLĐ từ 81% trở lên có vết thương đặc biệt nặng.

c) Thân nhân hưởng tuất của quân nhân bị tai nạn lao động MSLĐ từ 61% trở lên từ trần:

- Trợ cấp tuất: 175.000 đồng/người/tháng;

- Trợ cấp tuất đối với người cô đơn,

không nơi nương tựa: 390.000 đồng/ người/tháng.

2.8. Bệnh binh:

a) Trợ cấp và phụ cấp hàng tháng:

- Trợ cấp:

+ MSLĐ từ 61% đến 70%: 489.000 đồng;

+ MSLĐ từ 71% đến 80%: 564.000 đồng;

+ MSLĐ từ 81% đến 90%: 677.000 đồng;

+ MSLĐ từ 91% đến 100%: 752.000 đồng.

- Phụ cấp:

+ Bệnh binh MSLĐ từ 81% trở lên, ngoài mức trợ cấp hàng tháng còn được phụ cấp thêm 150.000 đồng.

+ Bệnh binh MSLĐ từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng, ngoài mức trợ cấp hàng tháng còn được phụ cấp thêm 292.000 đồng;

b) Trợ cấp vì cần người phục vụ đối với bệnh binh MSLĐ 81% trở lên điều dưỡng ở gia đình:

- Mức trợ cấp 292.000 đồng/tháng đối với người phục vụ bệnh binh MSLĐ từ 81% trở lên:

- Mức trợ cấp 380.000 đồng/tháng đối với người phục vụ bệnh binh MSLĐ từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng.

c) Thân nhân hưởng tuất của bệnh binh MSLĐ từ 61% trở lên từ trần:

- Trợ cấp tuất: 175.000 đồng/người/tháng;

- Trợ cấp tuất đối với người cô đơn,

không nơi nương tựa: 390.000 đồng/ người/tháng.

2.9. Quân nhân bị bệnh nghề nghiệp (bệnh binh hạng 3 được xác nhận trước ngày 31/12/1994):

- MSLĐ từ 41% đến 50%: trợ cấp 300.000 đồng/người/tháng;

- MSLĐ từ 51% đến 60%: trợ cấp 376.000 đồng/người/tháng;

2.10. Người có công giúp đỡ cách mạng:

a) Người có công giúp đỡ cách mạng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945:

- Trợ cấp: 292.000 đồng/người/tháng;

- Trợ cấp đối với người cô đơn, không nơi nương tựa: 495.000 đồng/người/tháng;

b) Người có công giúp đỡ cách mạng trong kháng chiến:

- Trợ cấp: 175.000 đồng/người/tháng;

- Trợ cấp hàng tháng đối với người cô đơn, không nơi nương tựa: 390.000 đồng/người/tháng;

II. CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG KHI TỪ TRẦN

1. Trợ cấp mai táng phí (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định):

Từ ngày 01/10/2004 trở về sau, người có công với cách mạng sau đây nếu từ trần

mà không thuộc diện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì người hoặc tổ chức lo mai táng được nhận một khoản tiền mai táng mức 2.400.000 đồng;

a) Người hoạt động cách mạng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 (cán bộ “Lão thành Cách mạng”, cán bộ “Tiền khởi nghĩa”);

b) Thân nhân liệt sỹ đang hưởng trợ cấp hàng tháng;

c) Bà mẹ Việt Nam Anh hùng;

d) Anh hùng Lực lượng Vũ trang, Anh hùng Lao động thời kỳ kháng chiến;

e) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; quân nhân bị tai nạn lao động (thương binh loại B); quân nhân bị bệnh nghề nghiệp (bệnh binh hạng 3);

g) Người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

h) Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

2. Trợ cấp một lần (theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định):

Từ ngày 01/10/2004 trở về sau, người có công với cách mạng quy định tại các khoản a, b, c, d, e, h điểm 1 Mục II của Thông tư này khi từ trần thì thân nhân được hưởng khoản trợ cấp một lần bằng 3 tháng trợ cấp, phụ cấp hàng tháng của người có công trước khi từ trần.

III. CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP ƯU ĐÃI HÀNG THÁNG TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 2 CỦA NGHỊ ĐỊNH)

Từ ngày 01/10/2004 trở về sau, học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách ưu đãi sau đây nếu không hưởng lương hoặc sinh hoạt phí khi theo học tại các trường đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (không phân biệt là trường công lập hay ngoài công lập) có khóa học từ một năm trở lên (Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, dự bị đại học...) và các trường phổ thông dân tộc nội trú được trợ cấp 292.000 đồng/người/tháng:

a) Anh hùng Lực lượng Vũ trang, Anh hùng Lao động thời kỳ kháng chiến; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

b) Con của liệt sỹ, con của người hoạt động cách mạng trước năm 1945, con của người hoạt động cách mạng trước tháng Tám năm 1945; con của Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, con của Anh hùng Lực lượng Vũ trang, con của Anh hùng Lao động thời kỳ kháng chiến;

c) Con của thương binh (kể cả con của thương binh loại B nay gọi là quân nhân bị tai nạn lao động), con của bệnh binh và con của người hưởng chính sách như thương binh bị mất sức lao động từ 61% trở lên.

IV. HỒ SƠ THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ

1. Thủ tục điều chỉnh chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2003/TT/BLĐTBXH ngày 18/02/2003 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Riêng 3 bản tổng hợp do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện theo mẫu 02 kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ, thủ tục giải quyết mai táng phí, trợ cấp một lần và tuất từ trần:

a) Hồ sơ:

- Bản khai của thân nhân người từ trần (mẫu kèm theo) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Giấy chứng tử của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Thủ tục:

- Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển hồ sơ đến Phòng Nội vụ - Xã hội hoặc Phòng Lao động Thương binh - Xã hội cấp huyện (gọi chung là Phòng Nội vụ - Xã hội).

- Phòng Nội vụ - Xã hội kiểm tra, lập phiếu báo giảm (mẫu kèm theo) gửi kèm bản khai của thân nhân, giấy chứng tử về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trước ngày 20 hàng tháng.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, ra quyết định cho thân nhân

người có công hưởng tiền mai táng, trợ cấp một lần và khoản trợ cấp tuất hàng tháng (nếu có), đồng thời quản lý hồ sơ theo quy định hiện hành.

3. Hồ sơ, thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi hàng tháng trong giáo dục và đào tạo thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/1999/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BGDĐT ngày 02/11/1999 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ đối với người có công với cách mạng trong phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan chức năng thực hiện các quy định tại Thông tư này; tổng hợp nhu cầu kinh phí từ ngân sách Nhà nước đảm bảo điều chỉnh tăng trợ cấp, phụ cấp đối với người có công với cách mạng năm 2004 và năm 2005 trên địa bàn và báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 31/3/2005 để tổng hợp gửi Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ theo quy định.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, giải thích các nội dung quy định tại Nghị

định số 210/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2004 và Thông tư này; hướng dẫn, kiểm tra, bảo đảm thực hiện chế độ đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

3. Người có công với cách mạng có giấy giới thiệu di chuyển ra ngoài tỉnh từ trước ngày 31/01/2005 trở về trước mà chưa được điều chỉnh trợ cấp theo Thông tư này thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi tiếp nhận làm thủ tục điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp cho đối tượng; người có công với cách mạng làm thủ tục di chuyển ra ngoài tỉnh từ ngày 01/02/2005 trở về sau thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi chuyển đi lập phiếu điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp và giải quyết chế độ cho đối tượng trước khi làm thủ tục di chuyển.

4. Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng và trợ cấp một lần đối với người có công với cách

mạng theo quy định tại Thông tư này do Ngân sách Trung ương bảo đảm;

5. Đối tượng và mức đóng bảo hiểm y tế được thực hiện theo quy định hiện hành.

6. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Mức trợ cấp, phụ cấp đối với người có công với cách mạng quy định tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, các địa phương phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI

Nguyễn Thị Hằng

**BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG VÀ QUỸ TRỢ CẤP ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG
SAU KHI ĐIỀU CHỈNH MỨC TRỢ CẤP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 210/2004/NĐ-CP**

A. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH

Số thứ tự	Tên quận, huyện	Số lượng đối tượng được điều chỉnh trợ cấp, phụ cấp theo Nghị định số 210/2004/NĐ-CP có mặt đến ngày 01/10/2004											
		Người hoạt động CM trước tháng 8/1945			TB và người hưởng chính sách NTB			Bệnh binh			QN bị TNLD (TBB được xác nhận từ 31/12/1993 trở về trước)		
		Người hoạt động thoát ly (người)	Người hoạt động không thoát ly (người)	Người hoạt động "Tiền khởi nghĩa" (người)	MSLD từ 21% - 80% (người)	MSLD từ 81% trở lên (người)	MSLD từ 81% trở lên có VT đặc biệt nặng (người)	MSLD từ 61% - 80% (người)	MSLD từ 81% trở lên (người)	MSLD từ 81% trở lên đặc biệt nặng (người)	MSLD từ 21% - 80% (người)	MSLD từ 81% trở lên (người)	MSLD từ 81% trở lên có VT đặc biệt nặng (người)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Cộng												

S6'11 - 12 - 01 - 2005
S6'12 - 12 - 01 - 2005

[illegible]

Người có công giúp đỡ Cách mạng		QN bị bệnh NN	Người phục vụ	Tuất liệt sỹ	Tuất TBB từ trần	Tuất LTCM	Bà mẹ VNAH	Tổng trợ cấp, phụ cấp điều chỉnh tăng thêm 1 quý <i>đồng</i>	34	
Trước tháng 8/1945	Trong Kháng chiến							Tổng trợ cấp, phụ cấp điều chỉnh tăng thêm 1 tháng <i>đồng</i>	33	
								AHLVT AHLĐ <i>đồng</i>	32	
								DS cô đơn <i>đồng</i>	31	
								Định suất ND <i>đồng</i>	30	
								Có lương hưởng chênh lệch <i>đồng</i>	29	
								Định suất ND <i>đồng</i>	28	
								Định suất cơ bản <i>đồng</i>	27	
								Định suất ND <i>đồng</i>	26	
								Định suất cơ bản <i>đồng</i>	25	
								Định suất nuôi dưỡng <i>đồng</i>	24	
								2 LS <i>đồng</i>	23	
								Định suất cơ bản <i>đồng</i>	22	
								TBB, QN bị TNLD từ 81% trở lên đặc biệt nặng <i>đồng</i>	21	
								TBB, QN bị TNLD từ 81% trở lên <i>đồng</i>	20	
								Tỷ lệ MSD từ 51% đến 60% <i>đồng</i>	19	
								Tỷ lệ MSD từ 41% đến 50% <i>đồng</i>	18	
								Định suất ND <i>đồng</i>	17	
								Định suất cơ bản <i>đồng</i>	16	
								Định suất ND <i>đồng</i>	15	
								Định suất cơ bản <i>đồng</i>	14	
								Định suất cơ bản <i>đồng</i>	13	

Thuyết minh: Số đối tượng được điều chỉnh kỳ này

Ngày.... tháng..... năm 200...

PHỤ TRÁCH CHÍNH SÁCH PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Giám đốc

Số 11 - 12 - 01 - 2005
Số 12 - 12 - 01 - 2005

CÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CỦA THÂN NHÂN
NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG TỪ TRẦN

(ban hành kèm theo Thông tư số 10/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Họ và tên người từ trần.....Năm sinh.....
Nguyên quán
Thuộc đối tượng hưởng trợ cấp ưu đãi: (LTCM,TB, BB, TNLS...)
Số sổ trợ cấp.....
Tỷ lệ MSLĐ (%):
Từ trần ngày.....tháng.....năm.....
Theo giấy chứng tử số..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân xã/phường.....
Đã nhận tiền trợ cấp đến hết tháng.....năm
Số tiền
Trường hợp chết.....
Họ tên người đứng nhận mai táng phí và 3 tháng trợ cấp, phụ cấp
Hộ khẩu thường trú.....
Quan hệ với người chết.....

DANH SÁCH THÂN NHÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HƯỞNG TUẤT TỪ TRẦN
(dùng cho đối tượng người có công có chế độ tuất từ trần)

Số thứ tự	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quan hệ với người chết	Nghề nghiệp hiện tại
01				
02				
03				
04				

....., ngày... tháng..... năm.....
Ủy ban nhân dân xã, phường.....
Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày... tháng..... năm.....
Người đứng khai nhận trợ cấp
(Ký tên và ghi rõ họ, tên)

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/QUẬN.....

Phòng Nội vụ - Xã hội

.*.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU BÁO GIẢM

(ban hành kèm theo Thông tư số 10/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).

Họ và tên người hưởng trợ cấp:.....Năm sinh.....

Nguyên quán

Hộ khẩu thường trú.....

Chết ngày.....tháng.....năm.....

Giấy chứng tử sốdo Ủy ban nhân dân xã/phường..... cấp

ngày..... tháng..... năm.....

Thuộc đối tượng hưởng trợ cấp ưu đãi (LTCM, TB, BB, TNLS)

Tỷ lệ mất sức lao động:.....%

Số sổ trợ cấp.....

Các mức trợ cấp ưu đãi hàng tháng đang hưởng:

- Chế độ trợ cấp:.....

(bao gồm: trợ cấp.....đ; phụ cấp.....đ)

- Chế độ trợ cấp:.....

(bao gồm: trợ cấp.....đ; phụ cấp.....đ)

- Chế độ trợ cấp:.....

(bao gồm: trợ cấp.....đ; phụ cấp.....đ)

Nay báo cắt giảm trợ cấp của ông/bà.....kể từ tháng.....năm

Các chế độ trợ cấp sau khi từ trần bao gồm:

- Trợ cấp một lần:

+ Mai táng phí.....đ

+ 3 tháng trợ cấp, phụ cấpđ

Tổng cộng:.....đ

- Trợ cấp tuất từ trần (nếu có): theo bản khai.

Xin báo cáo đề Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm thủ tục giải quyết chế độ từ trần.

....., ngày.....tháng.....năm.....

PHÒNG NỘI VỤ - XÃ HỘI HUYỆN

Trưởng phòng

(Ký tên, đóng dấu)